

Chủ đề: Soạn văn 6 Cánh Diều

Soạn Thực hành Tiếng Việt bài 3 Cánh Diều Ngữ Văn 6 tập 1

Đọc tài liệu tổng hợp kiến thức và gợi ý trả lời các câu hỏi soạn bài Thực hành tiếng Việt trang 59, bài 3 Ngữ văn 6 tập 1 Cánh Diều cho các em học sinh tham khảo.

Câu 1 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Xác định ý nghĩa của các từ *chân*, *chạy* trong mỗi trường hợp dưới đây:

Chân:

a) Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại.

(Nguyễn Hồng)

b)

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

(Ca dao)

c) Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc.

(Thánh Gióng)

Chạy:

a, Thằng Khìn chạy lon ton quanh sân...(Cao Duy Sơn)

b. Xe chạy chậm chậm (Nguyễn Hồng)

c. Vào Thanh Hóa đi tao chạy cho tiền tàu (Nguyễn Hồng)

d. Bãi cát trắng phau, chạy dài hàng mấy nghìn thước (Mộng Tuyết)

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 59 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều:

Chân:

a. Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật, dùng để đi, đứng, chạy, nhảy

b. Phần dưới cùng, phần gốc của một vật.

Soạn Thực hành Tiếng Việt bài 3 Ngữ Văn 6 tập 1 (Cánh Diều)

c. Phần dưới cùng của một ngọn núi, tiếp giáp mặt đất

Chạy

a. Chạy: Là động từ chỉ tốc độ đi của con người, đi nhanh quá là chạy

b. Chạy: là hoạt động một phương tiện nào khách đang di chuyển tới nơi khác trên một bề mặt

c. Chạy: khăn trương lo liệu để mau chóng có được, đạt được cái đang cần, đang muốn

d. Chạy: trải dài, kéo dài, nằm trải ra thành dải dài

Câu 2 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Tìm hiểu ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng (sang nghĩa chỉ bộ phận của vật)

Ví dụ: Mũi: mũi dao, mũi súng, mũi đất, mũi quân, mũi thuyền,...

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 59 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều:

- Mắt: mắt na, mắt dứa, mắt võng, mắt cây, mắt lưới....

- Mũi: mũi thuyền, mũi dao, mũi đất, mũi quân

- Tay: tay ghế

- Cổ: cổ chai, cổ lọ, cổ áo

Câu 3 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:

a) Chín:

Quýt nhà ai chín đồ cây

Hỡi em đi học hây hây má tròn

(Tố Hữu)

Một nghề cho chín còn hơn chín nghề

(Tục ngữ)

b) Cắt:

Soạn Thực hành Tiếng Việt bài 3 Ngữ Văn 6 tập 1 (Cánh Diều)

- Nhanh như cắt, rùa há miệng, đớp lấy thanh gươm rồi lặn xuống nước (Sự tích Hồ Gươm)

- Việc làm khắp chốn cùng nơi

Giục đi cắt cỏ vai tôi đã mòn

(Ca dao)

- Bài viết bị cắt một đoạn. (Dẫn theo Hoàng Phê)

- Chúng cắt lượt nhau suốt ngày vào cà khía làm Trũi không chịu được (Tô Hoài)

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 59 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều:

a) Từ “chín” trong các câu dưới đây là từ đa nghĩa:

+ Chín đỏ cây: chỉ quả từ xanh đã chuyển sang chín, có thể thu hoạch được

+ Một nghề cho chín còn hơn chín nghề: chín ở đây nghĩa và giỏi, thành thạo

b) Từ cắt trong các câu dưới đây là từ đồng âm:

+ Nhanh như cắt : chỉ một loại chim tên cắt, bay rất nhanh

+ cắt cỏ: làm cho đứt bằng vật sắc

+ cắt một đoạn: lược bỏ, bỏ đi, thu gọn

+ cắt lượt: chen ngang, thay phiên nhau làm gì đó

Câu 4 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Tìm các từ mượn trong những câu dưới đây. Đối chiếu với nguyên dạng trong tiếng Pháp, tiếng Anh để biết nguồn gốc của những từ đó.

– Từ tiếng Pháp: automobile, tournevis. carton, sou, kespi, cable,...

– Từ tiếng Anh: TV (television), cent,....

a. Đó là lần đầu tiên tôi thấy ô tô (Hon- da Sô-i-chi-rô)

b. Chọn lúc cả nhà không ai để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí. (Hon- da Sô-i-chi-rô)

c. Lúc đó tôi vô cùng cảm phục những chú thợ điện với túi đồ nghề gồm kim, tọc nơ vít cột ngang lưng treo lên cột điện nối dây cáp (Hon- da Sô-i-chi-rô)

Soạn Thực hành Tiếng Việt bài 3 Ngữ Văn 6 tập 1 (Cánh Diều)

d. Khi tôi đọc sách, mọi thông tin đầu tôi rất chậm, nhưng khi xem ti vi bằng tai và mắt thì tôi cảm nhận mọi việc nhạy bén hơn nhiều. (Hon- da Sô-i-chi-rô)

e. Tôi khẩn khoản xin cha mua cho tôi một chiếc mũ kết và tự tay tôi làm một cặp kính đeo mắt của phi công bằng bìa các tông. (Hon- da Sô-i-chi-rô)

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 60 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều:

a. ô tô : tiếng pháp

b. xu: tiếng pháp

c. tuốc nơ vít: tiếng pháp

d. ti bi: tiếng anh

e. các tông: tiếng pháp

Câu 5 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Theo em có thể thay thế các từ mượn trong những câu ở bài tập 4 bằng các từ gốc Việt không? Vì sao?

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 60 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều: Theo em là không. Bởi ngôn ngữ gốc Việt không có đủ vốn từ vựng để định nghĩa cho tất cả các khái niệm và việc chuyển ngữ từ vựng từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác để là xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập của một nền văn hóa

Câu 6 - Soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3

Câu hỏi: Đọc văn bản dưới đây và viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 dòng cho biết: theo tác giả: khái niệm ngọt trong tiếng Việt đã được nhận thức qua những giác quan nào?

Gợi ý trả lời câu hỏi trang 60 Ngữ Văn 6 tập 1 Cánh Diều: Ngọt được cảm nhận qua năm giác quan. Ngọt từ đầu lưỡi (vị giác) khi nếm thử vị thơm ngọt của những trái thơm, quả chín; ngọt cảm nhận qua thị giác khi vào những ngày xuân ta có thể cảm nhận được cái nắng vàng ngọt, ngọt tự thính giác khi nghe tiếng đàn ngọt hát hay, ngọt giọng. Không những thế ta còn có thể phối hợp cảm giác để nhận thấy dao bén ngọt, cắt cho ngọt tay,... Nghĩa của ngọt lúc này đây đã khác hoàn toàn với cái ngọt vị đường ban đầu.

~/~

Hi vọng với phần hướng dẫn chi tiết soạn bài Thực hành Tiếng Việt bài 3 trang 59 Ngữ Văn 6 tập 1 (Cánh Diều) trên đây sẽ giúp các em nắm bài học tốt hơn. Chúc các em học tốt!